

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày: 08-6-2022

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hải

+ Bà Lê Thị Linh Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 29/11/2021 về “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 13/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị Bích V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Ông Võ Minh T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Bà Võ Thị Thúy N, sinh ngày 01/01/2004. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà là con của ông Võ Văn L, sinh năm 1939 đã chết năm 2010 và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1939 đã chết ngày 26/6/2021. Bà chỉ có một người em là ông Võ Văn S, sinh năm 1978 đã chết năm 2018, ông S là con nuôi của cha mẹ bà. Ông Võ Văn S có vợ là bà Huỳnh Thị Bích V, có 02 con là Võ Minh T và Võ Thị Thúy N.

Cha mẹ bà chết không để lại di chúc nhưng có để lại phần tài sản là 01 nền đất thổ cư diện tích 98,1m² thửa 152, tờ bản đồ số 12-1, đất tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An do bà Huỳnh Thị Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 02/4/2018. Trên đất có căn nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) xây dựng năm 2007. Sau khi bà Đ chết thì bà Huỳnh Thị Bích V và các con Võ Minh T, Võ Thị Thúy N quản lý sử dụng lô đất và căn nhà nói trên.

Ngoài ra, sau khi bà Huỳnh Thị Đ chết bà còn phải trả 19.000.000 đồng tiền nợ của bà Đ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V. Bà nhiều lần yêu cầu bà V và các con bà V trả lại số tiền 19.000.000 đồng nhưng bà V không đồng ý.

Bà khởi kiện yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị di sản thừa kế do ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị Đ để lại là 98,1m² đất thổ cư tại thửa 152, tờ bản đồ 12 cùng căn nhà xây trên đất tọa lạc ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An và yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N trả số tiền 19.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế, được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị di sản thừa kế do ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị Đ để lại là 98,1m² đất thổ cư tại thửa 152 trị giá 343.350.000 đồng và căn nhà xây trên đất trị giá 45.000.000 đồng, sau khi trừ các khoản thuế là 8.907.000 đồng, tổng giá trị tài sản yêu cầu là 189.716.500 đồng, đồng ý giao cho bà Huỳnh Thị Bích V, Võ Minh T và Võ Thị Thúy N sử dụng đất và căn nhà nói trên. Đồng thời yêu bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T và bà Võ Thị Thúy N phải trả số tiền 9.500.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Bích V trình bày thống nhất tất cả lời trình bày của bà Võ Thị L, thống nhất diện tích 98,1m² đất thổ cư thửa 152, tờ bản đồ số 12-1 được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 02/4/2018 và căn nhà trên đất là tài sản chung của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ. Bà là vợ của ông Võ Văn S đã chết năm 2018. Cha mẹ chồng bà có 4,3 ha đất, khi ông S mới cưới bà thì cha mẹ chồng có cho vợ chồng bà diện tích đất 1,3ha. Sau này cha chồng chết thì vợ chồng bà có nhận thừa kế thêm diện tích đất 1,1 ha nữa (phần đất này do cha chồng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Còn bà Võ Thị L là chị được nhận thừa kế diện tích đất 1,9 ha (phần đất này do mẹ chồng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vợ chồng bà là người chăm sóc cha mẹ từ trước đến khi cha mẹ mất, khi cha mẹ được cấp nhà tình nghĩa thì vợ chồng bà cũng có đóng góp.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L yêu cầu chia di sản là căn nhà cấp 4 và đất thửa 152, tờ bản đồ 12-1, đất tọa lạc ấp G, xã T và yêu cầu bà cùng

các con trả 19.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà yêu cầu dùng tài sản trên để lại thờ cúng.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu di sản của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ dùng vào việc thờ cúng. Trường hợp phải chia thì yêu cầu được hưởng 02 phần di sản, đồng ý nhận đất và nhà, đồng ý trừ 8.917.000 đồng tiền thuế và trả cho bà Võ Thị L 9.500.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Minh T và bà Võ Thị Thúy N trình bày: Các ông bà là con ruột của ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Bích V. Trước lời trình bày và yêu cầu của bà Võ Thị L thì ông bà có ý kiến trình bày giống mẹ bà Huỳnh Thị Bích V, không có ý kiến khác.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của bà Võ Thị L về việc được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thừa kế do ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ để lại là thửa đất số 152 diện tích 98,1m², tờ bản đồ số 12-1 tọa lạc tại ấp G, xã T do bà Huỳnh Thị Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 xây trên đất: Xét thấy giữa bà L, bà V, ông T, bà N đều thống nhất ông Võ Văn L đã chết năm 2010, bà Huỳnh Thị Đ đã chết năm 2021. Ông L, bà Đ chết không để lại di chúc. Cha mẹ của ông L, bà Đ đã chết trước; ông L, bà Đ có 01 con ruột tên Võ Thị L, 01 con nuôi tên Võ Văn S và ông S cũng đã chết năm 2018, ngoài ra không có con ruột, con riêng hay con nuôi nào khác. Các đương sự đều xác định thửa đất số 152 diện tích 98,1m², tờ bản đồ số 12-1 tọa lạc tại ấp G, xã T và căn nhà cấp 4 xây trên diện tích đất trên là tài sản của ông L, bà Đ; hiện di sản mà ông L, bà Đ chết để lại chỉ có thửa đất số 152 và căn nhà trên đất. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất và đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 29/3/2022 của Hội đồng định giá huyện Vĩnh Hưng. Bà L cũng chỉ yêu cầu chia di sản là căn nhà cấp 4 và thửa đất số 152 diện tích 98,1m², tờ bản đồ số 12-1 tọa lạc tại ấp G, xã T; ngoài ra các đương sự không yêu cầu chia di sản nào khác. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất số 152 diện tích 98,1m², tờ bản đồ số 12-1 tọa lạc tại ấp G, xã T do bà Huỳnh Thị Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 xây trên đất là di sản của ông L, bà Đ để lại. Do ông L, bà Đ chết không để lại di chúc nên khi có tranh chấp về chia di sản thừa kế thì căn cứ Điều 649 Bộ luật Dân sự để chia thừa kế theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông L là bà Đ, ông S và bà L. Do ông S chết trước bà Đ nên di sản ông S được hưởng từ ông L sẽ được chia cho bà Đ, bà V, ông T và bà N. Như vậy, khi bà Đ chết thì di sản của bà Đ sẽ chia cho bà L và hàng thừa kế thế vị của ông S là T và N, theo đó bà L được hưởng $\frac{1}{2}$ và T, N được hưởng $\frac{1}{2}$. Từ phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

Đối với yêu cầu trả lại số tiền 19.000.000 đồng mà bà L đã trả nợ thay cho bà Đ vào năm 2018: Tại phiên tòa bà L, bà V, ông T, bà N thừa nhận bà Đ có nợ vay Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền 19.000.000 đồng và đã trả vào năm 2018; các đương sự thống nhất khi hưởng di sản của bà Đ, ông L thì bà L chịu 9.500.000 đồng; bà V, ông T, bà N chịu 9.500.000 đồng trên số tiền 19.000.000 đồng đã trả cho ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngoài ra, tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất bà L chịu $\frac{1}{2}$ và bà V, ông T, bà N chịu $\frac{1}{2}$ về tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ phải nộp khi thực hiện chuyển nhượng diện tích đất tại thửa 152 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về ý kiến bà V cho rằng bà có công sức đóng góp vào việc xây dựng căn nhà nên yêu cầu được hưởng 02 phần di sản: Xét thấy bà V không cung cấp chứng cứ chứng minh bà đã đóng góp bao nhiêu vào việc xây dựng căn nhà nên đề nghị không chấp nhận ý kiến bà V.

Bà V, ông T, bà N trình bày căn nhà cấp 4 xây trên thửa đất số 152 và diện tích 98,1m² thửa đất số 152, tờ bản đồ số 12-1 là để thờ cúng: Xét thấy các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh di sản nêu trên là dùng để thờ cúng; ngoài ra các đương sự cũng không có thỏa thuận nào khác về việc di sản của ông L, bà Đ để lại dùng để thờ cúng ông bà tổ tiên sau này nên lời trình bày của bà V, ông T, bà N không có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các Điều 611, 612, 613, 615, 623, 649, 651, 652, 653, 658 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Bị đơn bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N có nơi cư trú tại ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không đề cập.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ là vợ chồng có khối tài sản chung chưa chia bao gồm: Quyền sử dụng đất là 98,1m² đất thổ cư tại thửa 152, tờ bản đồ 12-1 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/4/2018 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị Đ. Trên đất có căn nhà tình nghĩa xây năm 2007. Đất và nhà tọa lạc ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/3/2022, trị giá

98,1m² đất thổ cư có giá trị 343.350.000 đồng (3.500.000 đồng/m²), căn nhà có giá trị 45.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và nhà có tranh chấp là 388.350.000 đồng, được các bên đương sự thống nhất.

[3.2] Theo lời khai của các đương sự đều thừa nhận ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông L và bà Đ được chia theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 649, Điều 650 Bộ luật Dân sự. Bà Huỳnh Thị Bích V yêu cầu để di sản trên dùng vào việc thờ cúng là không có căn cứ theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự.

[3.3] Về người thừa kế: Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị Đ có 02 người con là bà Võ Thị L và ông Võ Văn S. Trong đó, bà Võ Thị L cho rằng cha ruột của bà là ông Lê Văn N đã chết lúc bà 01 tuổi, tuy nhiên bà Võ Thị L đã sống với ông Võ Văn L từ nhỏ, giấy khai sinh của bà Võ Thị L thể hiện cha là ông Võ Văn L, không ai tranh chấp nên có cơ sở khẳng định ông Võ Văn L đã xem bà Võ Thị L là con của ông. Còn ông Võ Văn S là con nuôi của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ, đã được ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ nhận nuôi từ nhỏ, coi như con đẻ, giấy khai sinh của ông Võ Văn S thể hiện tên cha là ông Võ Văn L, mẹ là bà Huỳnh Thị Đ và được bà Võ Thị L công nhận. Ông Võ Văn S đã chết năm 2018 có vợ là bà Huỳnh Thị Bích V và 02 người con là Võ Minh T và Võ Thị Thúy N, ông Võ Văn S không có con riêng hay con nuôi. Ngoài ra ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ không có con nuôi nào khác, không ai có con riêng. Cha mẹ của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ tuy không rõ năm chết nhưng các đương sự đều thừa nhận đã chết trước ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ.

[3.3.1] Tại thời điểm ông Võ Văn L chết năm 2010 thì người thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của ông là bà Huỳnh Thị Đ, bà Võ Thị L, ông Võ Văn S.

[3.3.2] Tại thời điểm ông Võ Văn S chết năm 2018 thì người thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của ông là bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T và bà Võ Thị Thúy N.

[3.3.3] Tại thời điểm bà Huỳnh Thị Đ chết năm 2021 thì người thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của bà là bà Võ Thị L, người thừa kế thế vị của ông Võ Văn S là ông Võ Minh T và bà Võ Thị Thúy N.

[3.4] Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 19/4/2018 đối với diện tích 98,1m² tại thửa 152 thể hiện khi chuyển nhượng phải nộp 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ tại thời điểm chuyển nhượng theo quy định tại quyết định số 48/2012/QĐ-TTG ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tại Công văn số 606/CCT-NVQLT ngày 16/5/2022 của Chi cục Thuế khu vực V - T thể hiện số tiền lệ phí trước bạ và thuế sử dụng đất đối với lô đất tại thửa 152, tờ bản đồ số 12-1 phải nộp 8.917.290 đồng. Do diện tích đất tại thửa 152 không chia tách được nên một trong các bên được hưởng di sản nhận bằng hiện vật, để đảm bảo quyền lợi cho người này cần phải trừ số tiền thuế phải nộp vào giá trị tài sản chung của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ để

chia là phù hợp. Cụ thể: $388.350.000 \text{ đồng} - 8.917.290 \text{ đồng} = 379.433.000 \text{ đồng}$ (làm tròn), được các đương sự thống nhất.

[3.5] Về công sức duy trì, bảo quản di sản và chăm sóc người để lại di sản: Xét thấy, hiện nay bà Huỳnh Thị Bích V là người đang trực tiếp quản lý di sản và trước đây đã từng sống chung, chăm sóc ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ. Mặc dù, căn nhà trên đất là tình nghĩa được UBND huyện Vĩnh Hưng có quyết định xây dựng và trao tặng cho ông Võ Văn L tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận ông L và bà Đ cũng bỏ ra thêm một số tiền khoảng 40.000.000 đồng để xây dựng nhà, lúc đó ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Bích V đang sống chung với ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ. Nên cần thanh toán cho bà Huỳnh Thị Bích V một phần trong khối tài sản chung, sau đó tính di sản để chia theo quy định pháp luật với mức 10% giá trị tài sản chung là phù hợp theo Điều 658 Bộ luật Dân sự. Cụ thể: $379.433.000 \text{ đồng} \times 10\% = 37.943.000 \text{ đồng}$.

[3.6] Nên giá trị di sản còn lại là 341.490.000 đồng ($379.433.000 \text{ đồng} - 37.943.000 \text{ đồng}$) được chia theo pháp luật. Cách chia cụ thể như sau:

[3.6.1] Khi ông Võ Văn L chết năm 2010 di sản của ông L có giá trị 170.745.000 đồng ($341.490.000 \text{ đồng} : 2$) được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 03 phần (bà Huỳnh Thị Đ, bà Võ Thị L, ông Võ Văn S) mỗi người được hưởng 56.915.000 đồng ($170.745.000 \text{ đồng} : 3$).

[3.6.2] Khi ông Võ Văn S chết năm 2018 di sản của ông S có giá trị 56.915.000 đồng được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 4 phần (bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy Ng mỗi người được hưởng 14.229.000 đồng ($56.915.000 \text{ đồng} : 4$).

[3.6.3] Khi bà Huỳnh Thị Đ chết năm 2021 di sản của bà Đ có giá trị 241.889.000 đồng ($170.745.000 \text{ đồng} + 56.915.000 \text{ đồng} + 14.229.000 \text{ đồng}$) được chia cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Võ Thị L và người thừa kế thế vị của ông Võ Văn S gồm ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N mỗi bên hưởng 120.945.000 đồng ($241.889.000 \text{ đồng} : 2$). Trong đó ông Võ Minh T và bà Võ Thị Thúy N mỗi người được hưởng 60.472.000 đồng ($120.945.000 \text{ đồng} : 2$).

[3.7] Như vậy bà Võ Thị L được hưởng di sản thừa kế có giá trị 177.860.000 đồng ($56.915.000 \text{ đồng} + 120.945.000 \text{ đồng}$); Bà Huỳnh Thị Bích V được hưởng di sản thừa kế có giá trị 14.229.000 đồng và tiền công sức duy trì, bảo quản di sản và chăm sóc người để lại di sản 37.943.000 đồng, tổng 52.172.000 đồng; ông Võ Minh T được hưởng di sản thừa kế có giá trị 74.701.000 đồng ($14.229.000 \text{ đồng} + 60.472.000 \text{ đồng}$); bà Võ Thị Thúy N được hưởng di sản thừa kế có giá trị 74.701.000 đồng ($14.229.000 \text{ đồng} + 60.472.000 \text{ đồng}$).

[3.8] Do diện tích 98,1m² đất thổ cư tại thửa 152 và căn nhà xây trên đất không thể chia tách được. Phía bà Võ Thị L yêu cầu được nhận giá trị hiện vật, phía bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N đang quản lý sử dụng quyền sử dụng đất, nhà ở nói trên và yêu cầu được nhận hiện vật nên cần giao cho bà V, ông T và bà N được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và quyền

sở hữu căn nhà nói trên. Bà V, ông T, bà N có mối quan hệ mẹ con, đang sống chung với nhau và không có yêu cầu chia riêng biệt mà cùng được sử dụng đất và sở hữu nhà nên có nghĩa vụ liên đới giao cho bà Võ Thị L số tiền được tính trên phần di sản được chia là 177.860.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa các đương sự thống nhất bà Võ Thị L là người trả nợ cho bà Huỳnh Thị Đ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện V vào ngày 21/3/2018 với số tiền 19.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền vay chương trình nền nhà cụm tuyến dân cư và 9.000.000 đồng tiền vay xây dựng nhà trên cụm tuyến dân cư đối với thửa đất 152. Cả hai bên đều thống nhất cùng trả số tiền 19.000.000 đồng, phía bà Võ Thị L trả 9.500.000 đồng; phía bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N trả 9.500.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, các bên đều được nhận di sản thừa kế nên có nghĩa vụ đối với số tiền 19.000.000 đồng mà không cần trừ số tiền nợ 19.000.000 đồng vào khối tài sản do ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ để lại sau đó mới chia di sản theo quy định của pháp luật cũng đảm bảo quyền lợi của các bên nên được chấp nhận. Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền 9.500.000 đồng

[5] Từ những lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Võ Thị L, chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát. Đối với các diện tích khác của ông Võ Văn L và bà Huỳnh Thị Đ đã được tặng cho, chuyển nhượng, thỏa thuận phân chia cho bà Võ Thị L, ông Võ Văn S và các bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không ai tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[6] Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Tổng số tiền 2.560.000 đồng, phía bà Võ Thị L và phía bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ với số tiền 1.280.000 đồng. Bà Võ Thị L đã tạm ứng xong nên bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền 1.280.000 đồng.

[7] Về án phí:

[7.1] Bà Võ Thị L có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.2] Như lập luận tại mục [3.7] và [3.8] bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N không có yêu cầu chia riêng biệt mà cùng được sử dụng đất và sở hữu nhà nên phải liên đới chịu án phí trên giá trị tài sản được nhận $(192.074.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 9.604.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 156, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 611, 612, 613,

615, 623, 645, 649, 650, 651, 652, 653, 658, 660, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 167, 170 Luật Đất đai 2013; Căn cứ các Điều 12, 14, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L về việc tranh chấp di sản thừa kế đối với bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N.

2. Bà Võ Thị L được nhận giá trị di sản thừa kế với số tiền 177.860.000 đồng. Buộc bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N có nghĩa vụ liên đới giao cho bà Võ Thị L số tiền 177.860.000 đồng.

3. Buộc bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền 9.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N được quyền sử dụng diện tích 98,1m² đất thổ cư tại thửa 152, tờ bản đồ số 12-1 được UBND huyện V cấp ngày 19/4/2018 cho hộ bà Huỳnh Thị Đ, tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Long An và được quyền sở hữu căn nhà xây trên đất.

(Theo Mảnh trích đo địa chính số 28-2022 ngày 14/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V)

Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N được quyền thực hiện các thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Tổng số tiền 2.560.000 đồng, bà Võ Thị L và bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ với số tiền 1.280.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị L số tiền 1.280.000 đồng.

6. Về án phí: Bà Võ Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí. Bà Huỳnh Thị Bích V, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Thúy N phải liên đới chịu 9.604.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The